

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN PHONG ĐIỀN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Bản án số: 12/2020/HS-ST  
Ngày 04-3-2020

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Lo.

*Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sang và ông Nguyễn Ngọc Giang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Văn Cum Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Lương Thị Mỹ Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Huỳnh Quốc D**, sinh năm 1974; Nơi sinh tại Tiền Giang. Nơi cư trú: 1 đường L, khu phố 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Chạy xe grab; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H (s) và bà Nguyễn Hồng H1 (s); vợ tên Phạm Thị Cẩm T; có 01 sinh năm 2000; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị tạm giam từ ngày 15-10-2019 đến nay – Có mặt.

**\* Bị hại:** Bà Trương Thị A, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

**\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Anh Trần Văn T1, sinh năm 1992. Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 03-3-2020.

2/ Chị Trần Thị M, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

3/ Anh Đặng Phùng H2, sinh năm 1991. Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – có mặt.

4/ Chị Phạm Thị Cẩm T, sinh năm 1981. Địa chỉ: 1 đường L, khu phố 5, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang – vắng mặt.

*\* Người làm chứng:*

1/ Ông Trần Việt B, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

2/ Ông Dương Quốc V, sinh năm 1964. Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ – vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

Do bà Trương Thị A có vay của bị cáo Huỳnh Quốc D và chị Trần Thị M số tiền 10.000.000 đồng nhưng bà A chưa trả tiền nên khoảng 04 giờ sáng ngày 15-10-2019, tại quán cà phê H thuộc ấp T, thị trấn P, huyện P, thành phố Cần Thơ, Bị cáo đã chửi bới yêu cầu bà A trả nợ, bà A nói chưa có tiền và hẹn đến tháng 02 năm 2020 sẽ trả hết nợ nhưng bị cáo không đồng ý, hai bên cãi vã nhau. Bị cáo đã dùng tay đánh vào mặt của bà A, móc túi áo khoát của bà A lấy được số tiền 80.000 đồng và giật lấy điện thoại của bà A. Sau đó, bị cáo yêu cầu bà A ngồi xuống bàn cà phê, bị cáo giữ điện thoại của bà A và đặt 80.000 đồng trên bàn. Bị cáo tiếp tục yêu cầu bà A trả tiền và dùng tay đánh vào đầu bà A. Sau đó, bị cáo kêu bạn là anh Trần Văn T1 đi rước chị M đến. Bị cáo đã lấy số tiền vừa cướp được của bà A để trả tiền cà phê 30.000 đồng; còn lại 50.000 đồng khi chị M đến, bị cáo đưa cho chị M mua vé số. Tiếp đó, bị cáo yêu cầu bà A dẫn về nhà bà cho bị cáo biết nhà, mục đích để thuận tiện cho việc đòi tiền, bị cáo chuẩn bị chở bà A thì bị Công an thị trấn P đến mời về làm việc. Tiến hành khám xét trên người của bị cáo thu giữ được 01 điện thoại di động Nokia 130 màu cam của bà A.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 36a ngày 09-11-2019 của Hội đồng định giá tài sản, kết luận điện thoại Nokia 130 có giá trị là 200.000 đồng.

Bà Trương Thị A không đến bệnh viện điều trị, không có giấy chứng nhận thương tích và không yêu cầu xử lý gì đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự bà A không yêu cầu gì.

Đối với anh Trần Văn T1 và chị Trần Thị M không tham gia đánh và lấy tiền của bà A, chị M có nhận của bị cáo 50.000đ để mua vé số nhưng chị M không biết tiền đó là tiền do bị cáo cướp của bà A nên không xử lý anh Thiện và chị M.

Đối với số tiền bị cáo và chị M cho bà A vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày bà A trả lãi cho bị cáo 50.000 đồng. Theo bà A cho rằng, bà có đóng lãi cho bị cáo được khoảng 15 tháng, số tiền lãi khoảng 22.000.000 đồng. Còn Bị cáo và chị M khai nhận chỉ thu lãi được khoảng 15 ngày đến một tháng. Tuy nhiên, việc cho vay và đóng lãi không được lập thành văn bản nên chưa có căn cứ xác định số tiền đóng lãi mà bà A đã đóng cho bị cáo nên chưa đủ cơ sở cấu thành tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Bị cáo có tác động gia đình giao nộp 80.000 đồng để khắc phục hậu quả và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền đã xử lý vật chứng trả lại điện thoại và số tiền 80.000đ cho bà A xong.

Quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ nhiều tài sản, sau khi xác minh làm rõ Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an huyện Phong Điền đã ra quyết định xử lý trả lại các tài sản không có liên quan.

Ngày 13-02-2020, bà A làm đơn bãi nại và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Tại Cáo trạng số 12/CT-VKSPĐ-HS ngày 30 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đã truy tố bị cáo Huỳnh Quốc D về tội “*Cướp tài sản*” theo khoản 1 Điều 168 Bộ luật hình sự.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:* Tại cơ quan điều tra, cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi xảy ra đúng như cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ có trong hồ sơ. Thể hiện Bị cáo đã dùng vũ lực làm cho bị hại lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt tài sản nên đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp cắp tài sản. Trong quá trình giải quyết, bị cáo đã khắc phục hậu quả xong, bị cáo đã ăn năn hối cải, bị hại có đơn xin bãi nại và tại phiên tòa bị hại cũng yêu cầu giảm nhẹ cho bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 54 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 03 năm tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày 15-10-2019.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý xong.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xét.

*Tại phiên tòa, bị cáo trình bày:* Bị cáo có cho bà A vay số tiền 10.000.000đ; bà A hẹn nhiều lần nhưng không trả nên bị cáo nóng tánh có đánh bà A bằng tay và bị cáo có lấy tiền và điện thoại trên tay của bà A. Trong quá trình điều tra, bị cáo có nhờ gia đình nộp lại số tiền 80.000đ mà bị cáo lấy của bị hại. Nay bị cáo biết sai, hối hận về hành vi của bị cáo gây ra. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

*Tại phiên tòa, bà Trương Thị A trình bày:* Sự việc xảy ra là do giữa bà và bị cáo xít mít về tiền bạc, bị cáo có đòi bà nhiều lần nhưng không có tiền trả nên

bị cáo có hành động quá khích như vậy. Nay bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về phần trách nhiệm dân sự bà cũng không có yêu cầu gì.

*Tại phiên tòa, anh Đặng Phùng H2 trình bày:* Anh là bạn bè với bị cáo. Việc bị cáo đánh và cướp tài sản của bà A, anh không có chứng kiến và bị cáo cũng không có bàn bạc gì với anh.

*Lời nói sau cùng của bị cáo:* Bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo đến mức thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Phong Điền, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Theo lời khai của bị cáo tại phiên tòa, các lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 15-10-2019, tại ấp T, thị trấn P, huyện P bị cáo đã dùng tay đánh vào mặt, vào đầu của bà Trương Thị A làm cho bà A lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm chiếm đoạt số tiền 80.000đ và giật lấy điện thoại có giá trị còn lại 200.000đ của bà A; tổng giá trị tài sản bị cáo cướp của bà A là 280.000đ. Do đó, bị cáo đã phạm tội “Cướp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 điều 168 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền truy tố bị cáo là có căn cứ; đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi của bị cáo là xem thường pháp luật, đối với việc bị hại mượn tiền của bị cáo không trả thì bị cáo có quyền khởi kiện vụ án dân sự để đòi lại nhưng bị cáo không thực hiện quyền đó mà lại dùng vũ lực đối với bị hại, rồi lấy tài sản. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe và quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự, trị an trong quần chúng nhân dân nên cần phải xử lý nghiêm khắc đối với bị cáo.

[4] Xét về tính chất, mức độ: Sự việc xảy ra do bị hại nợ tiền bị cáo và bị cáo đòi nhiều lần mà bị hại không trả; mục đích bị cáo là muốn đòi lại tiền mà bị cáo đã cho bị hại vay nên cho thấy bị cáo phạm tội nhất thời. Trong quá trình hành động đánh bị hại, bị cáo không có bàn bạc với ai, bị cáo chủ động đánh bị hại và giật tài sản của bị hại là để xiềng đòi nợ nên đây là phạm tội giản đơn.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã bồi hoàn tài sản lại cho bị hại xong; bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; hơn nữa, bị hại cũng thừa nhận nhiều lần thất hứa với bị cáo về việc trả nợ vay nên phần nào bị hại cũng có lỗi; vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tình tiết tăng nặng không có.

[6] Từ nhận định trên cho thấy, bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 và 02 tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Phong Điền đã xử lý xong nên không đề cập đến.

[8] Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xét.

[9] Từ những phân tích trên; xét thấy, tuy bị cáo không có tiền án, tiền sự nhưng với hành vi bị cáo gây ra là nguy hiểm rất nghiêm trọng cho xã hội; bị cáo đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản và sức khỏe của người khác tại khu vực chợ, có đông người; gây mất an ninh, trật tự tại địa phương; làm ảnh hưởng đến nếp sống văn minh đô thị của thị trấn Phong Điền nên cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi và hậu quả của bị cáo đã gây ra, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo giáo dục cho bị cáo biết tôn trọng pháp luật, tôn trọng sức khỏe và quyền sở hữu tài sản của người khác; đồng thời, để có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung cho xã hội. Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền là phù hợp.

[10] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 6 Điều 168 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...*”. Xét thấy, bị cáo nghề nghiệp chạy xe grap mà bị giam thì sẽ không có khả năng thi hành nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho bị cáo.

[11] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1/ *Tuyên bố:* Bị cáo **Huỳnh Quốc D** phạm tội “*Cướp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 168; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Huỳnh Quốc D mức án **02** (hai) năm tù giam. Thời hạn phạt tù tính kể từ ngày 15-10-2019.

2/ Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với bị cáo, bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo./.

#### ***Nơi nhận:***

- VKSND TP. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- Chi Cục THADS H. Phong Điền;
- Công an H. Phong Điền;
- Sở tư pháp TP.Cần Thơ;
- Cơ quan Thi hành án hình sự;
- Bị cáo, các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Lo**